

CẦN PHẢI GẮN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI THỊ TRƯỜNG

VŨ XUÂN NGUYỆT HỒNG

Gắn kết khoa học và công nghệ (KH&CN) với thị trường là một trong những chính sách quan trọng, khẳng định vai trò động lực của KH&CN. Trong hơn hai thập kỷ qua, các thành quả của hoạt động nghiên cứu - triển khai đã ghi dấu ấn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, KH&CN sẽ chỉ trở thành nguồn lực cho tăng trưởng nếu được ứng dụng và sử dụng hiệu quả hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm phục vụ con người, xã hội. Nói một cách ngắn gọn, KH&CN cần phải gắn với thị trường.

Bước vào thế kỷ XXI, cuộc cách mạng KH&CN hiện đại phát triển với tốc độ ngày càng nhanh, có khả năng tạo ra những thành tựu mang tính đột phá, khó dự báo trước và ảnh hưởng to lớn tới mọi mặt của đời sống xã hội. Nhờ những thành tựu to lớn của KH&CN, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, xã hội loài người đã và đang dần chuyển từ nền văn minh công nghiệp sang thời đại thông tin, từ nền kinh tế dựa vào các nguồn lực tự nhiên sang nền kinh tế dựa vào tri thức, mở ra cơ hội mới cho các nước đang phát triển có thể rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thời gian đưa kết quả nghiên cứu áp dụng vào sản xuất và vòng đời công nghệ ngày càng rút ngắn. Lợi thế cạnh tranh đang thuộc về những doanh nghiệp biết lợi dụng các công nghệ mới để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng và thị hiếu luôn thay đổi của khách hàng. Trong bối cảnh hiện nay, với tiềm lực mạnh về tài chính và KH&CN, các công ty xuyên quốc gia đang nắm giữ và chi phối thị trường các công nghệ tiên tiến.

Xét về nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, lợi thế của nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động dồi dào với giá rẻ

ngày càng trở nên ít quan trọng hơn. Thay vào đó, công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là nhân tố động trong việc tạo ra năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp cũng như năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Bên cạnh đó, vai trò của nguồn nhân lực trình độ cao, có năng lực sáng tạo, ngày càng có ý nghĩa quyết định đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia.

Tuy nhiên, không phải quốc gia nào cũng có thể thành công trong phát triển năng lực KH&CN; biến KH&CN thành động lực tăng trưởng năng suất và thúc đẩy phát triển kinh tế. Kinh nghiệm thành công của nhiều nước trên thế giới đã cho chúng ta những bài học vô cùng quý giá trong việc xây dựng và thực hiện các chiến lược phát triển KH&CN. Có thể nói, sự gắn kết KH&CN với thị trường là một trong những định hướng quan trọng trong các chính sách phát triển KH&CN của các quốc gia thành công đó. Nói một cách khác, KH&CN sẽ chỉ trở thành nguồn lực cho tăng trưởng nếu như chúng được ứng dụng và sử dụng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm phục vụ con người và xã hội.

Ở Việt Nam, cùng với quá trình đổi mới nền

kinh tế theo định hướng thị trường có sự quản lý của nhà nước, trong hơn hai thập kỷ qua, hoạt động KH&CN của nước ta đã có những bước tiến tích cực. Lực lượng cán bộ KH&CN đã trưởng thành một bước và thích nghi được với cơ chế mới, có khả năng tiếp thu, làm chủ được tri thức, công nghệ hiện đại trên một số ngành và lĩnh vực kinh tế. Các sản phẩm KH&CN của Việt Nam đã từng bước gắn kết hơn với nhu cầu của thị trường, của doanh nghiệp và xã hội. Các doanh nghiệp Việt Nam đang ngày càng quan tâm hơn tới việc đầu tư cho công nghệ nhằm nâng cao năng suất, góp phần duy trì sức cạnh tranh trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Một nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (dựa trên số liệu điều tra doanh nghiệp trong giai đoạn 2000-2007) vừa qua đã cho thấy, đầu tư cho công nghệ và ứng dụng công nghệ là yếu tố quyết định tạo nên mức tăng năng suất của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến của Việt Nam*. Thị trường công nghệ, nơi kết nối các kết quả hoạt động KH&CN với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội đã từng bước được hình thành và có tiềm năng phát triển mạnh trong thời gian tới. Những thành tựu này đạt được là nhờ những nhân tố tác động quan trọng sau đây:

Thứ nhất, xét về bên cung sản phẩm KH&CN, Nhà nước đã tập trung đầu tư nhiều dự án, chương trình nhằm thúc đẩy nguồn cung sản phẩm KH&CN do các viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp tạo ra. Đặc biệt, việc chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Nghị định 115/2005/NĐ-CP) hoặc doanh nghiệp KH&CN (Nghị định 80/2007/NĐ-CP) đã tạo sức ép buộc các tổ chức KH&CN phải thay đổi cách



Phiên đấu giá công nghệ và thiết bị

Ảnh: T.L

thức hoạt động, chú trọng tới thị trường và khách hàng nhiều hơn và phải chấp nhận cạnh tranh để có được đơn hàng. Bên cạnh đó, số tổ chức KH&CN được thành lập trong thời gian gần đây đã tăng lên nhanh chóng, không chỉ bao gồm các tổ chức do Nhà nước thành lập mà cả các tổ chức ngoài nhà nước, tạo nên môi trường cạnh tranh đáng kể giữa các tổ chức này. Hiện cả nước có hơn 1.200 tổ chức KH&CN, tăng 2,5 lần so với 1995, đây là nguồn cung công nghệ rất lớn cho doanh nghiệp và xã hội. Nhiều mô hình liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp đã được hình thành, giúp cho sản phẩm KH&CN sớm được đưa vào cuộc sống, phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Thứ hai, xét về bên cầu sản phẩm KH&CN, công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế ngày nay đã và đang tạo ra sức ép, buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Nhờ chú trọng đầu tư cho công nghệ, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ KH&CN mà một số doanh nghiệp Việt Nam đã thực sự trưởng thành, không chỉ đứng vững trên thị trường trong nước mà còn có khả

năng mở rộng thị phần của mình ra nước ngoài. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, cả nước hiện có trên 30 vạn doanh nghiệp đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Đây thực sự là nguồn cầu tiềm năng rất lớn của thị trường công nghệ Việt Nam.

Thứ ba, xét về môi trường thể chế cho hoạt động thị trường, hiện tại những điều kiện cơ bản để thị trường công nghệ phát triển đã được hình thành. Cụ thể là, khuôn khổ pháp luật cho phát triển thị trường công nghệ ngày một hoàn thiện hơn như Luật KH&CN, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ thông tin, Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được ban hành và dần đi vào cuộc sống, phần nào đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thực tế. Bên cạnh đó, Nhà nước đã ban hành và thực thi một loạt chính sách khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển thị trường KH&CN như Quyết định 54/1998/QĐ-TTg ngày 3/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện các Chương trình kỹ thuật - kinh tế; Nghị định 119/1999/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN; Quyết định 214/2005/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án phát triển thị trường công nghệ; Nghị định 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp KH&CN; các chương trình KH&CN trọng điểm; một loạt dự án được triển khai nhằm tăng cường đầu tư hạ tầng cơ sở để kích thích nghiên cứu, ứng dụng KH&CN (hình thành và phát triển các khu công nghệ cao, các vườn ươm doanh nghiệp công nghệ...); xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm gắn với nhu cầu nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng... Ngoài ra, Nhà nước còn thực hiện các chính sách hỗ trợ bên có nhu cầu sử dụng sản phẩm KH&CN như: Mở rộng phạm vi và các loại hình chợ công nghệ và thiết bị nhằm quảng bá, giới thiệu và kết nối giữa bên sản xuất và cung ứng công nghệ với bên có nhu cầu sử

dụng; chính sách tín dụng ưu đãi thông qua thành lập các quỹ hỗ trợ nghiên cứu - triển khai, chuyển giao công nghệ và đổi mới công nghệ.

Thứ tư, lực lượng các tổ chức trung gian cung ứng dịch vụ KH&CN, thông tin về KH&CN đã phát triển rộng khắp. Những tổ chức này một mặt giúp cho các doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận và lựa chọn được những công nghệ tiên tiến (của ở trong nước và nước ngoài) có giá cả phù hợp với khả năng của bên sử dụng. Mặt khác, đây cũng là nơi các nhà khoa học, tổ chức KH&CN có thể giới thiệu các sản phẩm của mình cho khách hàng.

Thứ năm, nhờ chính sách mở cửa hội nhập, sản phẩm công nghệ được sản xuất ra đa dạng và phong phú hơn, phục vụ ngày một tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu sang các thị trường trên thế giới. Nhiều công nghệ đã được nhập khẩu từ nước ngoài và được chuyển giao cho doanh nghiệp trong nước; cũng có một số công nghệ được cải tiến phù hợp với điều kiện ở Việt Nam, với những thông số kỹ thuật đáp ứng được các tiêu chuẩn của quốc tế, sử dụng tiết kiệm các nguồn nguyên - nhiên liệu. Các công nghệ trong nước được triển khai và ứng dụng vào sản xuất chủ yếu tập trung ở lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực nông, thủy, hải sản. Những công nghệ này được áp dụng trong một quy mô nhỏ ở mỗi lĩnh vực, mỗi địa phương khác nhau, phù hợp với tiềm năng của từng vùng. Sự liên thông giữa hoạt động KH&CN với hoạt động sản xuất, kinh doanh đã tạo ra một mạng lưới vệ tinh rộng khắp, tận dụng tối đa các nguồn lực, khai thác triệt để các lợi thế tại nơi công nghệ được đưa vào sản xuất.

Thị trường công nghệ của Việt Nam tuy đã có những bước tiến đáng kể trong một vài năm gần đây nhưng nhìn chung vẫn còn đang ở mức sơ khai, chưa thực sự tạo nên bước đột phá. Thực tiễn hình thành và phát triển của thị trường này trong

những năm qua cũng đã cho thấy hiện đang tồn tại nhiều vấn đề cả từ phía cơ chế chính sách của Nhà nước, môi trường kinh tế vĩ mô và từ phía những bên tham gia thị trường này. Cụ thể là:

Về phía cơ chế, chính sách của Nhà nước:

- Cơ chế quản lý kinh tế hiện nay chưa tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KH&CN nói chung và chuyển giao công nghệ nói riêng. Hiện tại, chúng ta vẫn còn duy trì sự bao cấp gián tiếp của Nhà nước, sự độc quyền của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh, làm cho nhiều doanh nghiệp có tư tưởng ỷ lại, chưa quan tâm đến ứng dụng các kết quả nghiên cứu và đổi mới công nghệ. Thiếu cơ chế, chính sách hữu hiệu để thúc đẩy hoạt động chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống chính sách, pháp luật còn chồng chéo, chưa đồng bộ; các chính sách về kinh tế, ưu đãi... thường xuyên thay đổi, khó tiếp cận, thiếu minh bạch. Điều này làm giảm hiệu quả thực thi các chính sách và chưa tạo ra động lực để thúc đẩy các hoạt động kinh tế nói chung và KH&CN nói riêng. Hệ thống tài chính, tiền tệ còn manh mún, chưa có những kênh tài chính hữu hiệu tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự huy động được nguồn vốn để đầu tư cho KH&CN. Một số quỹ được hình thành nhằm hỗ trợ các tổ chức KH&CN thực hiện nghiên cứu - triển khai hoặc hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ song trên thực tế vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống. Các tổ chức KH&CN cũng như doanh nghiệp đều rất khó tiếp cận những nguồn vốn này.

- Vai trò của Nhà nước đối với việc đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp vẫn chưa phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay. Cơ chế xin - cho; quy chế hỗ trợ vốn chưa minh bạch, rõ ràng còn thể hiện khá rõ trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước. Chưa có sự tách bạch giữa cơ

quan quản lý nhà nước ban hành chính sách và cơ quan thực hiện chính sách. Đồng thời, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc phối hợp thực hiện các chính sách về huy động vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ. Công tác thanh tra, kiểm tra, thẩm định dự án còn yếu kém; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ còn xa với thực tế đòi hỏi, còn tồn tại sự buông lỏng trong quản lý. Điều này gây nên những tổn thất về kinh tế, thất thoát nguồn lực, gây mất uy tín với khách hàng và các nhà đầu tư.

- Đầu tư của Nhà nước cho phát triển KH&CN còn hạn hẹp, đầu tư xây dựng tiềm lực KH&CN trong thời gian dài chưa được chú trọng đúng mức, thiếu tập trung và không đồng nhất, dẫn đến cơ sở hạ tầng yếu kém, hiệu quả đầu tư thấp. Thiếu quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao để có thể thực hiện thành công việc tiếp nhận và đưa công nghệ vào sản xuất.

- Công tác tuyên truyền và thông tin chính sách của cơ quan quản lý nhà nước tuy đã có nhiều tiến bộ và được cải thiện rõ rệt nhưng vẫn chưa đa dạng, chưa kịp thời, chưa dựa trên quan điểm hướng đến người thụ hưởng chính sách.

- Cách thức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa đảm bảo được tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn hỗ trợ. Hiện nay, các chính sách huy động vốn đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp vẫn dựa nhiều vào các biện pháp hỗ trợ từ ngân sách và các công cụ khuyến khích gián tiếp.

Về phía các tổ chức KH&CN:

Trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động KH&CN nước ta còn có khoảng cách khá xa so với các nước phát triển. Năng lực sáng tạo, phát triển công nghệ còn hết sức hạn chế, chưa có khả năng tạo ra được những công nghệ cần thiết để thực sự trở thành nền tảng

và động lực cho tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nghị định 115, Nghị định 80 của Chính phủ hy vọng tạo ra một bước đột phá trong việc thúc đẩy các tổ chức KH&CN công lập chuyển sang hoạt động theo cơ chế mới, phù hợp với cơ chế thị trường nhưng tính đến tháng 5/2009 mới có gần 70% số tổ chức KH&CN công lập của cả nước có đề án chuyển đổi được phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhìn chung, số tổ chức KH&CN chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp còn rất khiêm tốn, cho thấy một thực tế là các tổ chức KH&CN công lập vẫn còn tư tưởng ỷ lại vào nguồn trợ cấp từ ngân sách. Ngoài ra, sự bất cập và thiếu đồng bộ trong các văn bản pháp quy hiện hành cũng là một cản trở khiến quá trình thực thi các nghị định này gặp nhiều trở ngại. Các hoạt động nghiên cứu - triển khai tuy đã đạt được bước tiến đáng kể trong thời gian gần đây nhưng nhìn chung chất lượng vẫn còn ở mức khiêm tốn, khả năng ứng dụng vào thực tế chưa cao. Còn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa kết quả nghiên cứu - triển khai với nhu cầu thực tế, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Về phía doanh nghiệp:

- Hoạt động đổi mới công nghệ còn lẻ tẻ, thiếu quy hoạch và chiến lược, thiếu sự gắn bó và phối hợp giữa phương hướng đổi mới, chuyển giao, đầu tư đổi mới công nghệ với chiến lược phát triển và kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, chưa thực sự có nhu cầu tự thân đối với đổi mới công nghệ do năng lực quản lý yếu kém của người lãnh đạo hoặc do thiếu động lực để phát triển doanh nghiệp trong dài hạn.

- Năng lực tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, thể hiện ở chỗ thiếu những chuyên gia kinh tế, kỹ thuật và đội ngũ cán bộ, công nhân có trình độ tay nghề vững vàng nên bị các nhà đầu tư nước ngoài qua mặt.

- Hạn chế về khả năng tài chính của các

doanh nghiệp Việt Nam cũng là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ.

- Tình trạng vi phạm quyền sở hữu công nghiệp còn rất lớn. Trong nền kinh tế thị trường khi vấn đề này tồn tại sẽ dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh rất khó kiểm soát. Chính vì lẽ đó, trong thời gian qua Việt Nam đã xảy ra rất nhiều những tranh chấp kinh tế, xung đột giữa các nhà sản xuất, gây ra những thiệt hại khó lường cho các bên liên quan và ảnh hưởng đến vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Đây cũng chính là nguyên nhân cản trở các hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Trình độ thâm định công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều bất cập, dẫn đến tình trạng nâng giá công nghệ quá mức, gây thiệt hại trước mắt và lâu dài cho họ. Thậm chí, phẩm chất của nhiều cán bộ, chuyên gia bị tha hóa, không quan tâm đến lợi ích chung.

Trong thời gian tới đây, các vấn đề như: Môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường công nghệ; cơ chế quản lý hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ; cơ chế và chính sách kinh tế nhằm tạo nhu cầu ứng dụng thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống; môi trường đầu tư nước ngoài, thu hút công nghệ mới; phát triển các tổ chức trung gian, môi giới trong thị trường công nghệ; phát triển nguồn lực và cơ sở hạ tầng cho hoạt động KH&CN; hội nhập quốc tế về chuyển giao công nghệ; gắn kết các hoạt động KH&CN với các lĩnh vực sản xuất theo nhu cầu thị trường; liên kết cung - cầu công nghệ... cần phải có sự hoàn thiện, chuyển biến về chất và tạo động lực mới cho sự phát triển KH&CN nước nhà.

V.X.N.H

** Xem thêm trong "Vai trò của công nghệ, đầu tư và cơ cấu sở hữu tới năng suất của ngành công nghiệp chế biến ở Việt Nam". Carol Newman, Gaia Narciso1, Finn Tarp, Vũ Xuân Nguyệt Hồng, tháng 9.2009.*